

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/DS-ST
Ngày: 22 - 9 - 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Rạch Tô N, sinh năm 1973 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Bà Kim Thị Sóc Kh, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Ông Kim Ng, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị Rạch Tô N là nguyên đơn như sau:

Vào ngày 23 tháng 02 năm 2020 bà Thạch Thị Rạch Tô N có tham gia góp hui do bà Kim Thị Sóc Kh và ông Kim Ng làm đầu thảo (chủ hui), loại hui 3.000.000 đồng /phần (dây hui thứ 1), khi góp hui chỉ thỏa thuận bằng lời nói,

không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hội viên, hội gồm 15 phần, nửa tháng khai một lần. Hình thức góp hội là sau khi đã mở hội thì đầu thảo đi gom tiền của hội viên, sau đó giao tiền tại nhà hội viên được lĩnh hội, mỗi người lĩnh hội thỏa thuận trả cho đầu thảo huê hồng là 900.000 đồng. Trong đây hội này bà Tô N tham gia 01 phần lấy tên là “Bảy Ưng”. Hội khai đến lần thứ 7 bà Sóc Kh, ông Ng úp hội không khai nữa.

Tổng cộng bà Tô N đã đóng hội cho bà Kim Thị Sóc Kh, ông Kim Ng 06 lần hội sống với số tiền 6.320.000 đồng. Nay bà Tô N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kim Thị Sóc Kh, ông Kim Ng phải trả số tiền vốn là 6.320.000 đồng, bà Tô N không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà Tô N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bà Kim Thị Sóc Kh và ông Kim Ng là đồng bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt nên chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Rạch Tô N. Buộc ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh phải trả cho bà Thạch Thị Rạch Tô N số tiền nợ hội 6.320.000 đồng. Do bà Tô N không yêu cầu tính lãi nên đến nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị Rạch Tô N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị Rạch Tô N, ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị Rạch Tô N khởi kiện ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh để yêu cầu trả tiền nợ hui. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện bà Thạch Thị Rạch Tô N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh phải trả số tiền 6.320.000 đồng của dây hui loại hui 3.000.000 đồng /phần (dây hui thứ 1), mở hui ngày 23 tháng 02 năm 2020 do ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh làm đầu thảo. Bà Tô N không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Rạch Tô N, qua các tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Thạch Thị Rạch Tô N với bà Kim Thị Sóc Kh có hợp đồng góp hui với nhau là có thật. Tuy khi góp hui các bên không lập thành văn bản nhưng chủ hui có lập danh sách hui viên và gửi cho các hui viên tham gia, qua xác minh các hui viên trong dây hui như bà Thạch Thị Kh, bà Kim Thị S thì bà Thạch Thị Rạch Tô N có tham gia góp hui loại hui 3.000.000 đồng /phần ngày 23 tháng 02 năm 2020 do bà Kim Thị Sóc Kh làm đầu thảo và đã đóng hui sống cho bà Sóc Kh được 06 lần hui sống với số tiền vốn 6.320.000 đồng.

[4] Xét thấy bà Kim Thị Sóc Kh với vai trò là chủ hui, là người tổ chức, quản lý dây hui, thu các phần hui và giao lại cho các thành viên được lĩnh hui trong mỗi kỳ mở hui cho tới khi kết thúc dây họ nhưng bà Sóc Kh ngưng khai hui khi chưa kết thúc dây hui là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biếu, phượng. Do đó căn cứ vào Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị Rạch Tô N khởi kiện bà Kim Thị Sóc Kh để yêu cầu trả nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy ông Kim Ng, bà Kim Thị Sóc Kh là vợ chồng, việc góp hui diễn ra công khai tại nhà ông Kim Ng, ông Ng có tham gia phụ giúp bà Sóc Kh trong việc góp hui, việc thu lợi cũng phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên ông Kim Ng, bà Kim Thị Sóc Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Tô N số tiền nợ 6.320.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tiền lãi, do bà Tô N không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do bà Thạch Thị Rạch Tô N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ các điều 15, 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Rạch Tô N. Buộc ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Rạch Tô N số tiền 6.320.000 đồng của dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần mở ngày 23/02/2020 (dây số 1).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Kim Ng và bà Kim Thị Sóc Kh nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 316.000 đồng.

Bà Thạch Thị Rạch Tô N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Rạch Tô N số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 158.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002727 ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng